

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2344/TTCP-C.IV
V/v Hướng dẫn báo cáo tổng kết
10 năm thực hiện Luật PCTN

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

THANH TRA TỈNH ĐỒNG NAI	
Số: 80 TN	Kính gửi:
Ngày: 24/8/15	
ĐẾN	
Chuyen:	

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 98/QĐ-BCĐTKLPCTN ngày 13/8/2015 của Trưởng Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN như sau:

1. Nội dung báo cáo: Có đề cương và biểu mẫu gửi kèm.
2. Thời hạn, hình thức gửi báo cáo:

- Trước 30/11/2015 gửi dự thảo báo cáo về Thanh tra Chính phủ (qua hộp thư điện tử cucchongthamnhung@thanhtra.gov.vn).

- Trước 30/01/2016 (sau khi tổ chức hội nghị tổng kết, hoàn thành báo cáo tổng kết) gửi báo cáo bằng văn bản về Thanh tra Chính phủ, đồng thời gửi dữ liệu qua hộp thư điện tử nêu trên.

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN là nhiệm vụ quan trọng. Do đó, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tích cực quan tâm chỉ đạo thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Thanh tra Chính phủ (qua Cục Chống tham nhũng, số điện thoại: 080.48228) để được hướng dẫn, giải đáp.


Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Thanh tra bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo TTCP;
- Cục Chống tham nhũng (để theo dõi, đôn đốc);
- Trung tâm TT (để đưa lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, C.IV (05b).

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Trần Đức Lượng



ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng
(Kèm theo Công văn số 2344 /TTCP-C.IV ngày 14 tháng 8 năm 2015
của Thanh tra Chính phủ)

A. NỘI DUNG BÁO CÁO TỔNG KẾT

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của bộ, ngành, địa phương tác động tới công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Việc triển khai thực hiện Luật PCTN, các Luật sửa đổi, bổ sung Luật PCTN và các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN;

- Nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác PCTN; tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN;

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện;

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Tình hình, kết quả và đánh giá việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 137, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Bộ Tư pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN

- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền; hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về PCTN.

- Việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng.

- Việc hoàn thiện chính sách hình sự trong xử lý tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

3. Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN

- Việc tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách, phân định trách nhiệm trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng; việc xây dựng, kiện toàn đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra cấp Bộ và Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV; việc thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN.

- Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

- Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay, chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng PCTN, trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

4. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định tại Luật PCTN, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

- Công tác cải cách hành chính góp phần phòng ngừa tham nhũng;

- Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ;

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức;

- Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước.

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khi có dấu hiệu tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

- Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập;

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức;

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng;

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (về mua sắm công, xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất, quản lý và sử dụng nhà ở, quản lý dự án đầu tư xây dựng, cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; việc giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; trong lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước, giáo dục, y tế, tư pháp, khoa học - công nghệ, thể dục, thể thao...);

- Việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực thi nhiệm vụ, công vụ;

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và nhân sự trong doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

5. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng:

- Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử;

- Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

6. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng.

- Tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra;

- Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

7. Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

- Tình hình và kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác PCTN;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: Thống kê theo phụ lục số 2;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác giám sát công tác PCTN, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

8. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

- Công tác phối hợp, triển khai của các cơ quan chức năng nhằm tạo điều kiện phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN;

- Kết quả tham gia PCTN của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, báo chí, Ban thanh tra nhân dân và nhân dân.

- Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về khen thưởng, bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

9. Thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và hợp tác quốc tế về PCTN

- Việc thực thi các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 5 Khóa XI về PCTN, lãng phí;

- Kết quả các hoạt động hợp tác quốc tế trong PCTN.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng và công tác hợp tác quốc tế về PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

- Khái quát về tình hình tham nhũng xảy ra tại bộ, ngành, địa phương (thông qua phân tích, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý; phản ánh của dư luận, báo chí; kết quả khảo sát, điều tra xã hội học (nếu có);

- Đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình tham nhũng; tác động của các biện pháp PCTN đối với tình hình; sự thay đổi của tình

hình tham nhũng so với thời điểm ban hành Luật PCTN và thời điểm sơ kết 5 năm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những thay đổi.

2. Đánh giá chung về công tác PCTN

- Đánh giá tiến triển của công tác PCTN, so sánh kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN hiện nay với thời điểm tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN năm 2011.

- Đánh giá tổng quát những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) và Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 về ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; nêu rõ những ngành, lĩnh vực đã ngăn chặn được tham nhũng, đẩy lùi được tham nhũng; những ngành, lĩnh vực PCTN chưa có tác dụng, tham nhũng có dấu hiệu gia tăng (nếu có).

- Đánh giá, phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập của các quy định trong Luật PCTN và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCTN (đưa vào Phụ lục số 3).

IV. KIẾN NGHỊ

- Đề xuất, kiến nghị để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN, tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành còn vướng mắc, bất cập (đưa vào Phụ lục số 3).

- Các kiến nghị khác.

B. PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO TỔNG KẾT

Các bộ, ngành, địa phương báo cáo theo nội dung hướng dẫn tại Mục A nêu trên, đồng thời thống kê số liệu, nội dung theo biểu mẫu phụ lục gửi kèm:

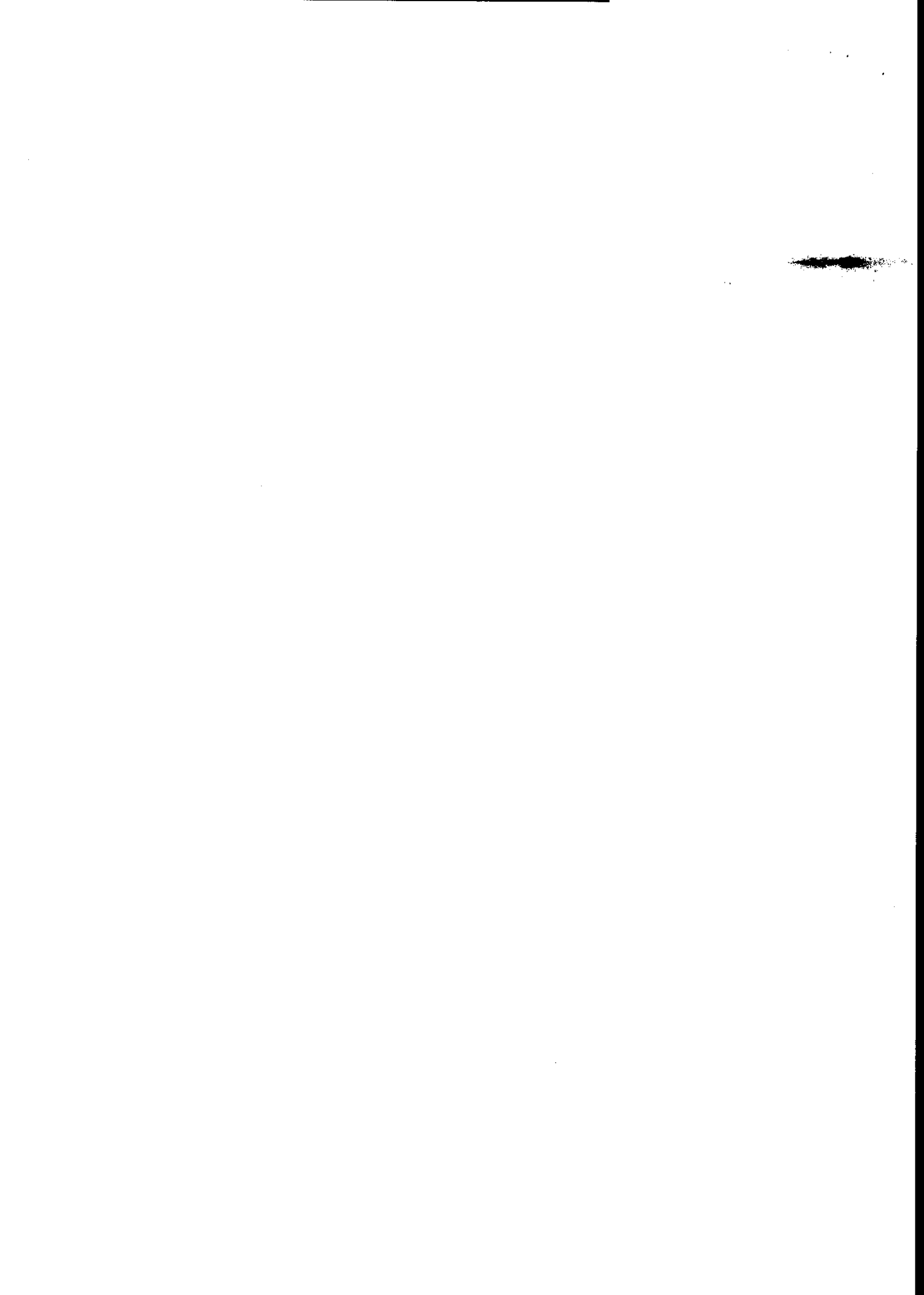
1. Phụ lục 01: Thống kê số liệu chủ yếu về công tác PCTN (thời kỳ từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/8/2015).

2. Phụ lục 02: Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN (thời điểm 31/8/2015).

3. Phụ lục 03: Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN (thời kỳ từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/8/2015).

4. Phụ lục 04: Những vướng mắc, bất cập và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật PCTN.

THANH TRA CHÍNH PHỦ



PHỤ LỤC SỐ 02



**Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN
(Thời điểm 31/8/2015)**

(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra chính phủ)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Trong đó		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện (sở)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
2	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
3	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
4	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
5	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
6	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
7	Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN + CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
8	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN + CB,CC,VC kiêm nhiệm				

9	Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
10	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
11	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
12	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Tòa án nhân dân				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
13	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
14	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
15	Số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm				
16	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù				

PHỤ LỤC SỐ 03



**Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN
(Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)**

(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra chính phủ)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Kết quả của cơ quan thanh tra		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện, sở
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch				
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch				
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai				
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai				
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra				
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra				
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận				
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận				
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:				
	- Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN				
	- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN				
	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN				
9	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau):				
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước				
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân				
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công				
	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ				

	- Trách nhiệm cung cấp thông tin				
	- Cải cách thủ tục hành chính				
	- Đổi mới công nghệ quản lý				
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức				
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán				
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước				
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN				
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức				
15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử				
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng				
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng				
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN				



THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)
Thực hiện theo Công văn số 2344 /TTCP-C.IV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ)

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
6	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	

	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Yêu cầu	
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	%	
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình		
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán	CQ, TC, DV	
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	%	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc		
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Vụ	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo		
	Qua công tác kiểm toán		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
40	Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Công tác truy tố tội phạm tham nhũng		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ	
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ	
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		

44	Số vụ án tham những đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ
45	Số đối tượng bị kết án tham những (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham những ít nghiêm trọng;	Người
	+ Số đối tượng phạm tội tham những nghiêm trọng;	Người
	+ Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng;	Người
	+ Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng.	Người
46	Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính	Vụ
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những	Người
48	Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ
49	Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người
	Tài sản bị tham những, gây thiệt hại do tham những đã phát hiện được	
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng
	+ Đất đai	m ²
	Tài sản tham những, gây thiệt hại do tham những đã được thu hồi, bồi thường	
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng
	+ Đất đai	m ²
	Tài sản tham những, gây thiệt hại do tham những không thể thu hồi, khắc phục được	
	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng
	+ Đất đai	m ²
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham những	
50	Số người tố cáo hành vi tham những đã bị trả thù	Người
51	Số người tố cáo hành vi tham những đã được khen, thưởng, trong đó	Người
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người
	+ Tặng Giấy khen	Người

Lưu ý:

- Không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.
- Các bộ, ngành, địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của bộ, ngành, địa phương (các địa phương không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn)/.



NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Kèm theo Công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Tên văn bản	Quy định có vướng mắc, bất cập	Phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập	Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật phòng, chống tham nhũng	1. Điều... khoản... điểm... 2. 3. 4. 5. 6. 7. ...	1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. ...	1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. ...
2	Bộ luật hình sự	1 2 3 ...	1 2 3 ...	1 2 3 ...
3	Nghị định số...
4	Thông tư số...